

KINH TẾ VĨ MÔ II

CHƯƠNG II:

MÔ HÌNH IS – LM VÀ

TỔNG CẦU TRONG NỀN KT ĐÓNG

CHƯƠNG II: MÔ HÌNH IS – LM VÀ TỔNG CẦU TRONG NỀN KT ĐÓNG

Mô hình IS – LM (Investment/Saving - Liquidity Preference/Money Supply) được biết đến như là mô hình Hicks – Hansen, được nhà KT học John Hicks (1904 – 1989) và nhà KT học của Mỹ là Alvin Hansen (1887 – 1975) đưa ra và phát triển trong những năm 1930 nhằm giải thích tác phẩm có ảnh hưởng lớn của Keynes “*Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ*”.

CHƯƠNG II: MÔ HÌNH IS – LM VÀ TỔNG CẦU TRONG NỀN KT ĐÓNG

Mô hình IS – LM coi nền KT bao gồm 2 thị trường: *thị trường hàng hóa* và *thị trường tiền tệ*.

Điểm quan trọng trong MH này đó là chúng ta *không thể phân tích riêng rẽ* từng thị trường, bởi vì giữa các thị trường có sự tương tác lẫn nhau.

CHƯƠNG II: MÔ HÌNH IS – LM VÀ TỔNG CẦU TRONG NỀN KT ĐÓNG

Giả định:

- Mức giá chung không đổi
- Nền KT còn nhiều nguồn lực chưa được sử dụng hết, tức là tổng cung luôn đáp ứng tổng cầu. Trong bối cảnh đó,

I. Thị trường hàng hóa và đường IS

1. Mô hình giao điểm Keynes

Công cụ chính để xây dựng đường IS là *mô hình giao điểm Keynes*.

Trong nền kinh tế đóng giản đơn ta có tổng chi tiêu dự kiến (Aggregate Planned Expenditure: APE/AE) của nền KT là:

1. Mô hình giao điểm Keynes

Trong đó:

C

I

G

T

1. Mô hình giao điểm Keynes

Trước hết, giả sử rằng lãi suất cố định ở mức:

$$r = \bar{r}$$

Mức ĐT theo kế hoạch I (r) cũng là ngoại sinh:

1. Mô hình giao điểm Keynes

Khi đó:

$$APE = C + I + G$$

1. Mô hình giao điểm Keynes

Nền KT đạt trạng thái cân bằng khi: $APE = Y$

Tức là:

1. Mô hình giao điểm Keynes



2. Mô hình đường IS

a. Khái niệm

Đường IS là tập hợp tất cả những điểm *biểu thị mối quan hệ giữa lãi suất và SL cân bằng* thỏa mãn điều kiện *thị trường hàng hóa cân bằng* ($APE = Y$).

b. Cách xây dựng đường IS

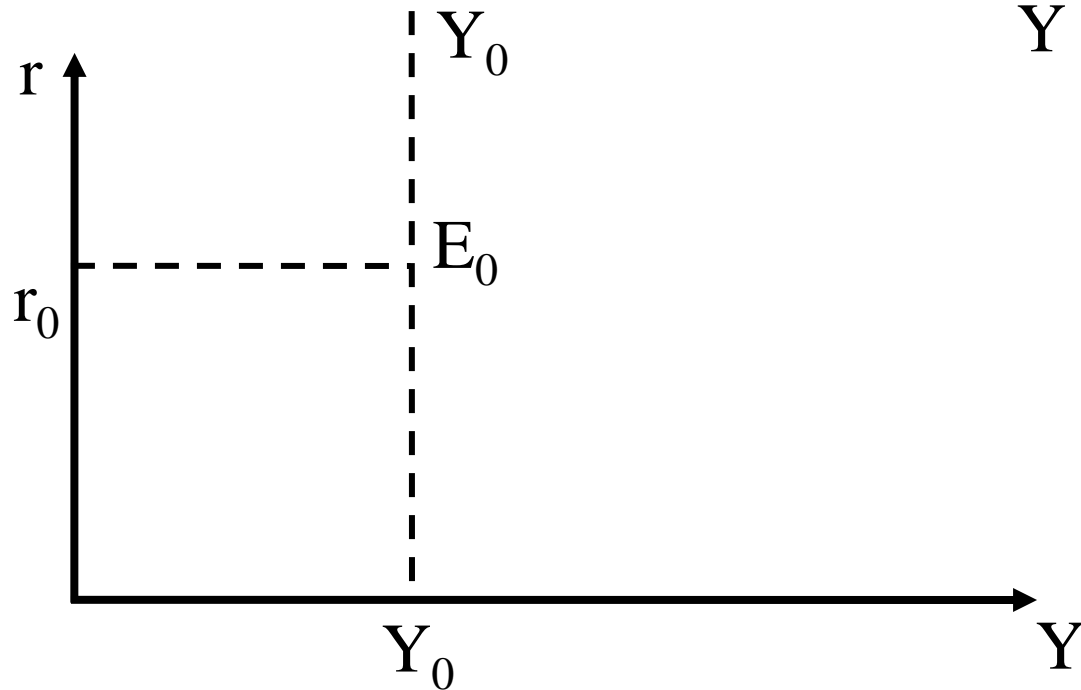
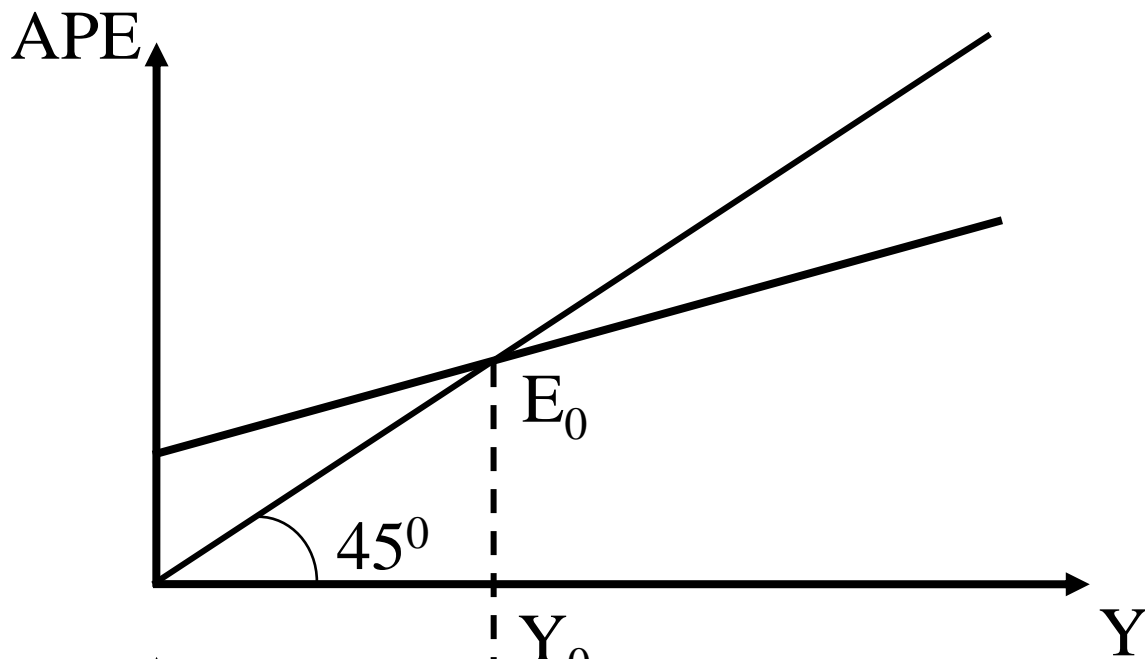
Để xây dựng đường IS, chúng ta nghiên cứu *mối quan hệ giữa lãi suất (biểu hiện của thị trường tiền tệ) và tổng chi tiêu dự kiến (biểu hiện của thị trường hàng hóa)*

2. Mô hình đường IS

Như đã nói ở trên:

$$APE = C(Y-T) + I(r) + G$$

$r \downarrow \rightarrow$



2. Mô hình đường IS

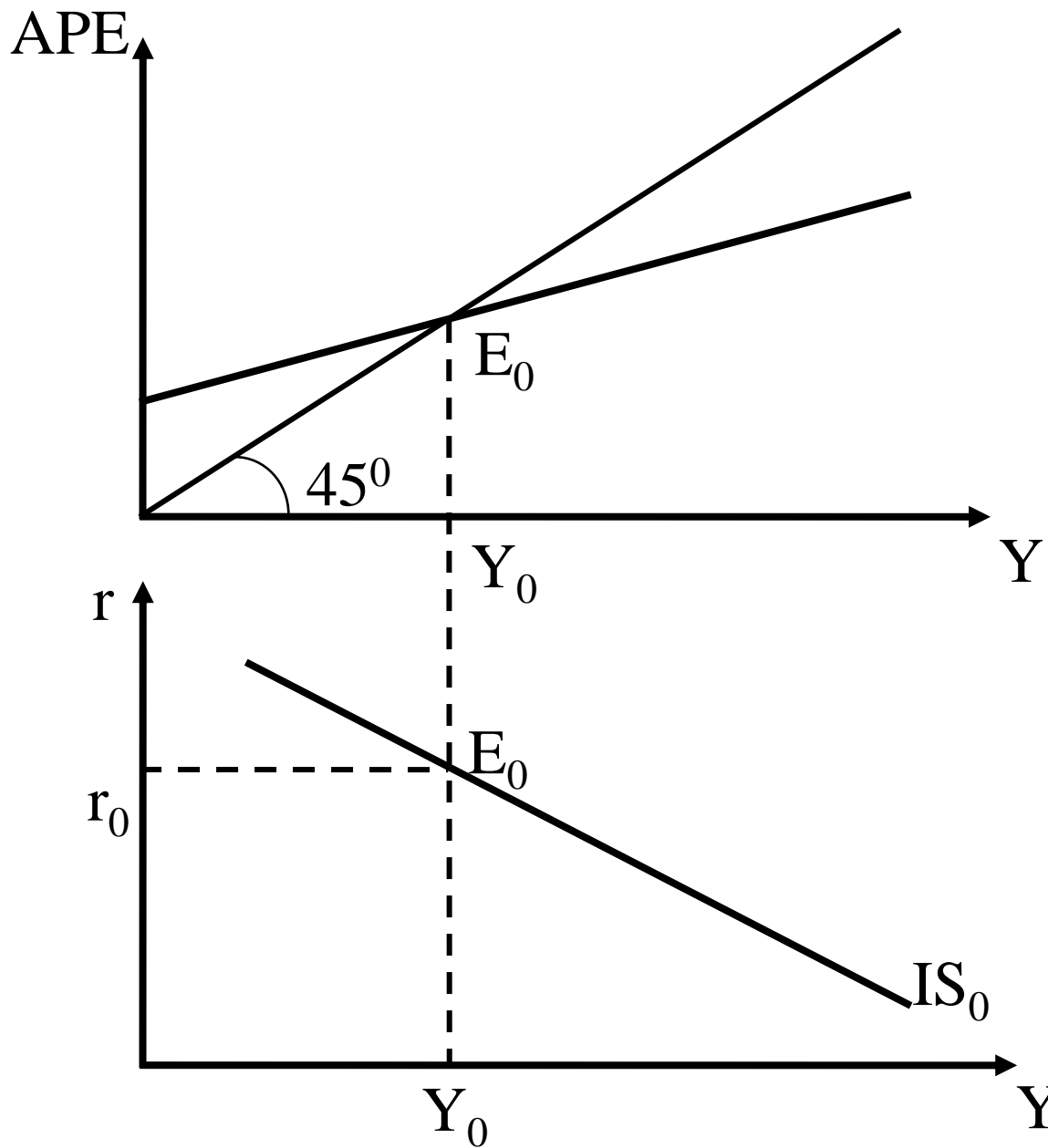
Lưu ý:

- ✓ Khi *lãi suất thay đổi* các yếu tố kinh tế khác không đổi thì sản lượng cân bằng sẽ
- ✓ Khi có *các yếu tố khác thay đổi* mà không phải là lãi suất sẽ làm APE dịch chuyển từ đó làm cho đường IS

2. Mô hình đường IS

Ví dụ:

Trong nền KT đóng, CP đánh thuế tự định, nếu lãi suất không đổi, nếu CP tăng G hoặc giảm T hoặc thực hiện cả 2 biện pháp



2. Mô hình đường IS

c. Độ dốc đường IS

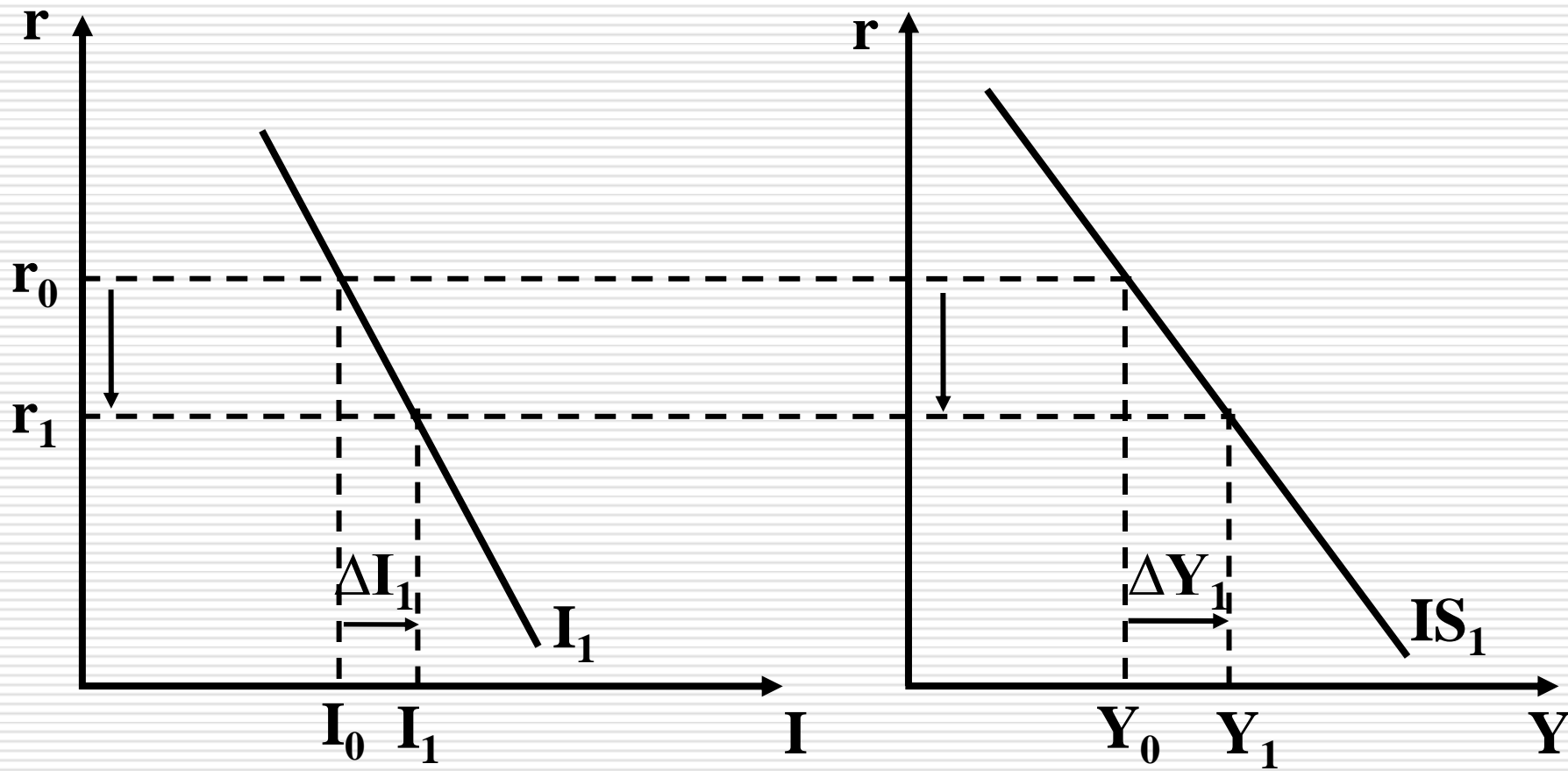
Độ dốc của đường IS phụ thuộc vào:

2. Mô hình đường IS

* *Sự nhạy cảm của đầu tư với lãi suất:*

Nếu đầu tư *nhạy cảm* với lãi suất

2. Mô hình đường IS



2. Mô hình đường IS

** Độ lớn của số nhân chi tiêu:*

II. Thị trường tiền tệ và đường LM

1. Lý thuyết ưa thích thanh khoản của Keynes

Cân bằng trên thị trường tiền tệ xảy ra khi cung tiền thực tế (Real Money Supply: MS_r) bằng cầu tiền thực tế (Real Money Demand: MD_r hay Liquidity Preference: L), tức là:

1. Lý thuyết ưa thích thanh khoản của Keynes

Trong đó:

- Cung tiền thực tế phụ thuộc vào cung tiền danh nghĩa – một biến chính sách, *do NHTW quyết định*, và mức giá – được coi là biến ngoại sinh trong mô hình.

1. Lý thuyết ưa thích thanh khoản của Keynes

➤ Cầu tiền thực tế $MD_r = L(Y, r)$

1. Lý thuyết ưa thích thanh khoản của Keynes

Với giả định *mức giá không đổi* (không có lạm phát, $\Pi = 0$) thì lãi suất thực tế sẽ bằng lãi suất danh nghĩa ($r = i - \Pi = i$) và lượng cung tiền danh nghĩa do NHTW quyết định, ta sẽ có:

Cân bằng trên thị trường tiền tệ



2. Mô hình đường LM

a. Khái niệm

Đường LM là tập hợp tất cả những điểm biểu thị *mối quan hệ giữa sản lượng và lãi suất cân bằng* thỏa mãn điều kiện *thị trường tiền tệ cân bằng*.

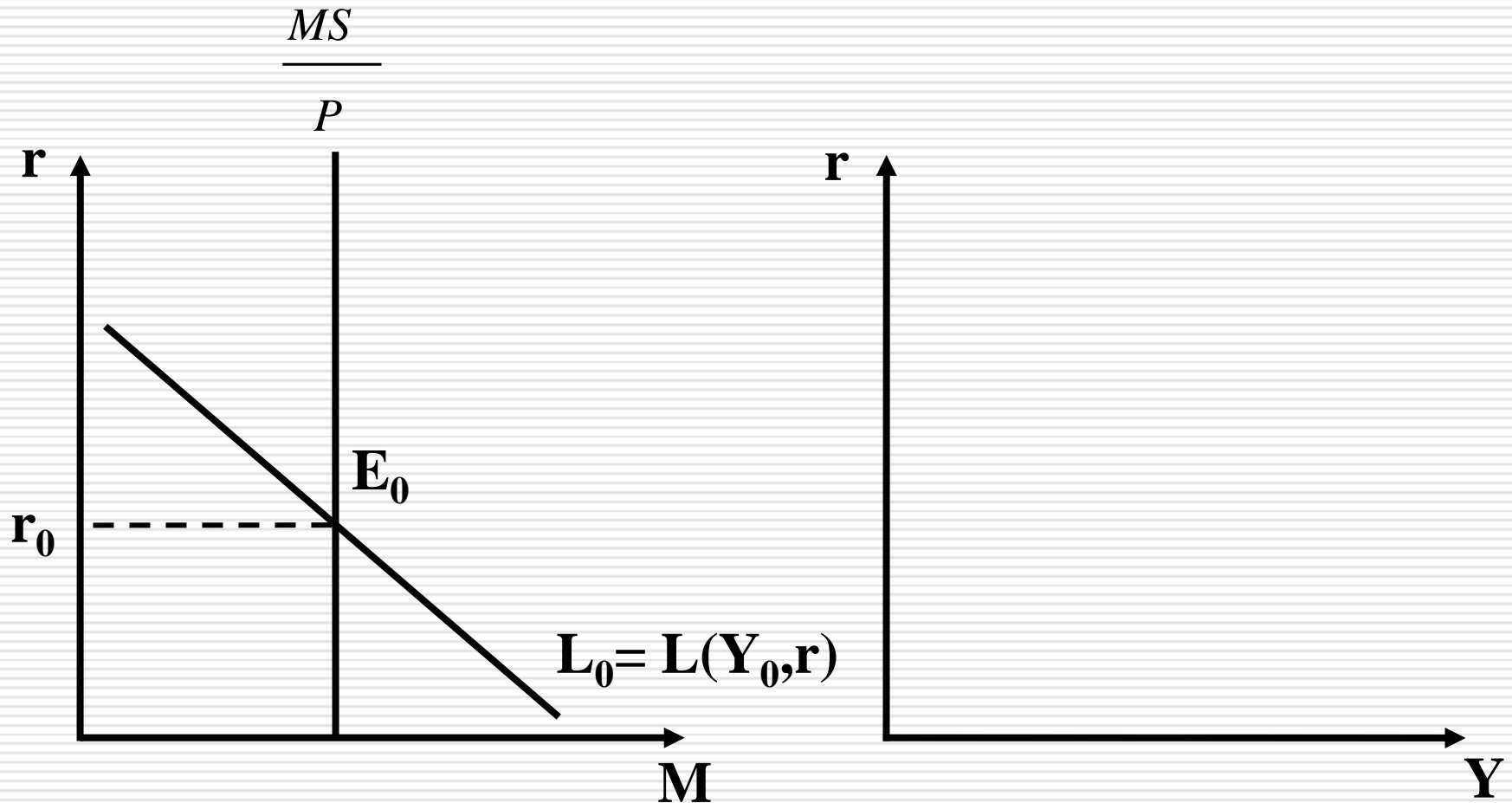
b. Cách xây dựng đường LM

Để xây dựng đường LM chúng ta cũng nghiên cứu *mối quan hệ giữa thu nhập hay sản lượng (thị trường HH) và cầu tiền (thị trường tiền tệ)*.

2. Mô hình đường LM

Khi $Y \uparrow \rightarrow$

2. Mô hình đường LM



2. Mô hình đường LM

Lưu ý:

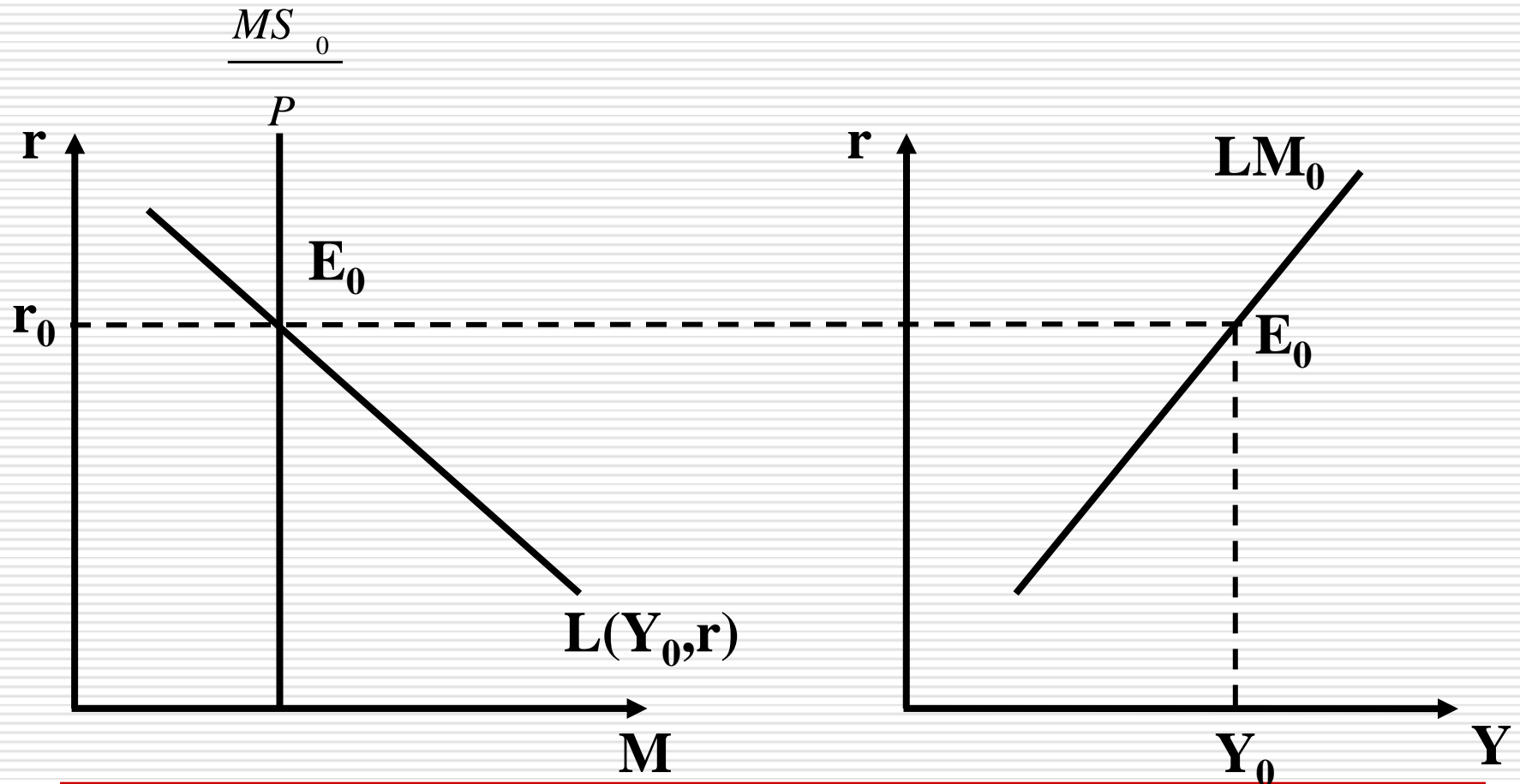
- ✓ Khi *thu nhập thay đổi* còn các yếu tố kinh tế khác cho trước thì
- ✓ Khi *thu nhập không đổi* nhưng cung tiền hoặc cầu tiền thay đổi thì

2. Mô hình đường LM

Ví dụ 1:

Giả sử *NHTW* tăng cung tiền, trong điều kiện mức giá P không đổi, cung tiền thực tế sẽ tăng.

2. Mô hình đường LM

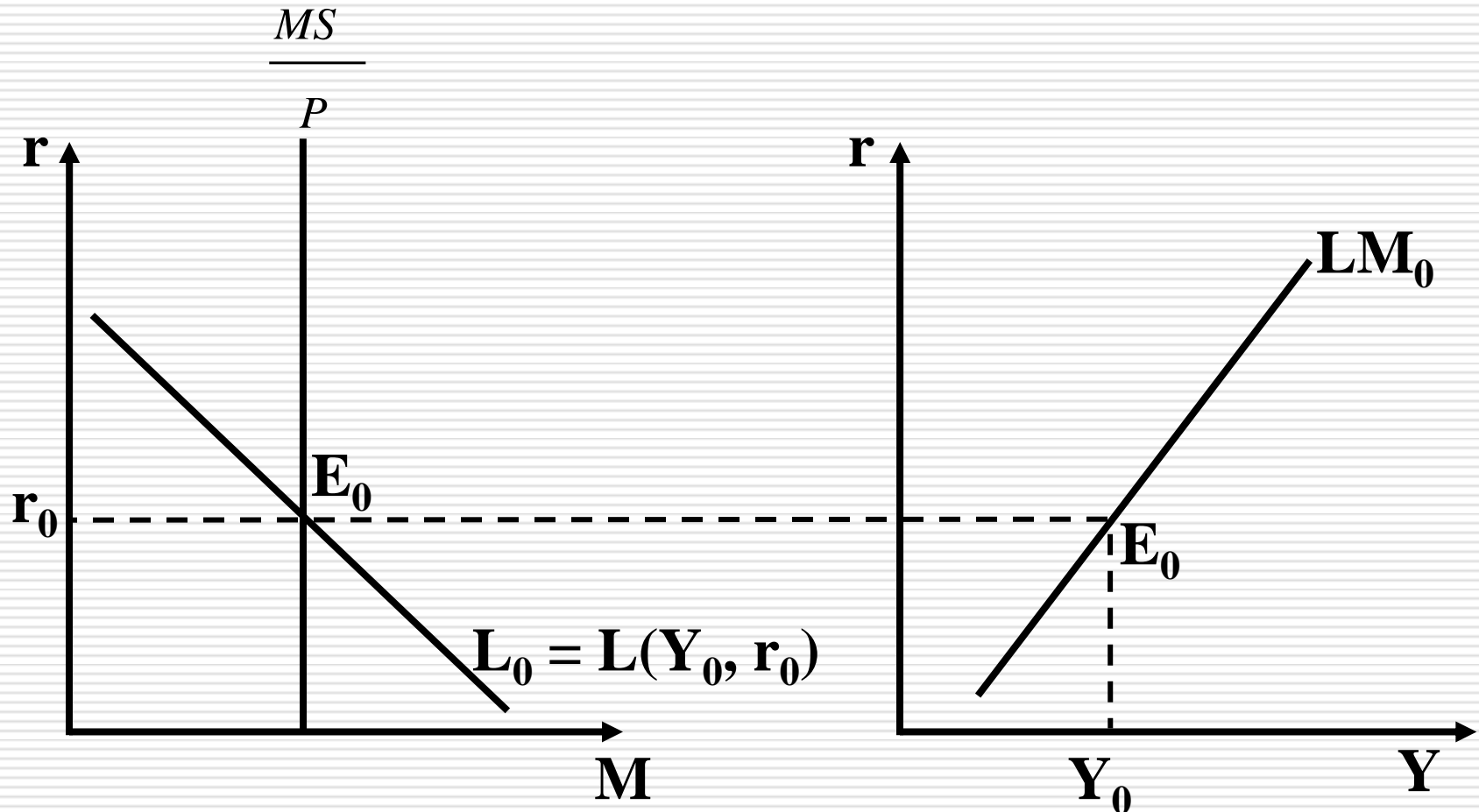


2. Mô hình đường LM

Ví dụ 2:

Giả sử tình trạng gian lận thẻ tín dụng gia tăng làm cho người tiêu dùng sử dụng tiền mặt thường xuyên hơn để thực hiện các giao dịch

2. Mô hình đường LM



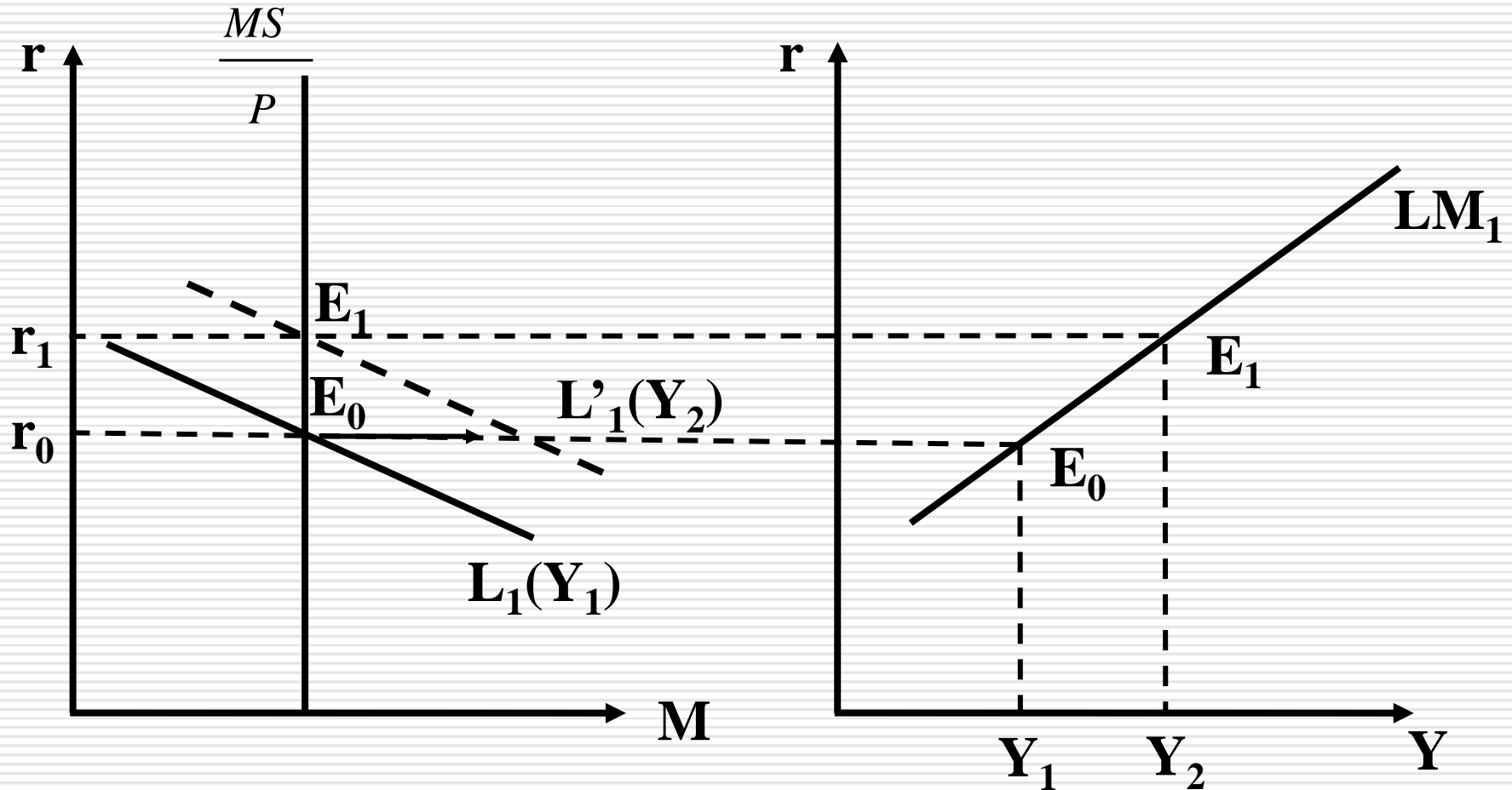
2. Mô hình đường LM

c. Độ dốc đường LM

Đường LM có độ dốc dương

Độ dốc của đường LM phụ thuộc vào

2. Mô hình đường LM



III. Cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và tiền tệ

Đường IS và LM lần lượt là tập hợp các điểm biểu thị mối quan hệ giữa thu nhập và lãi suất đảm bảo cho thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ cân bằng, do đó trạng thái *cân bằng đồng thời* ở cả hai thị trường này xác lập tại *giao điểm của hai đường IS – LM*.

III. Cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và tiền tệ



III. Cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và tiền tệ

Để xác định mức TN và LS cân bằng (Y_0, r_0) chúng ta giải hệ phương trình đại số biểu diễn đường IS và LM.

- ✓ Phương trình đường IS:
- ✓ Phương trình đường LM:

VI. Phân tích chính sách với mô hình IS – LM

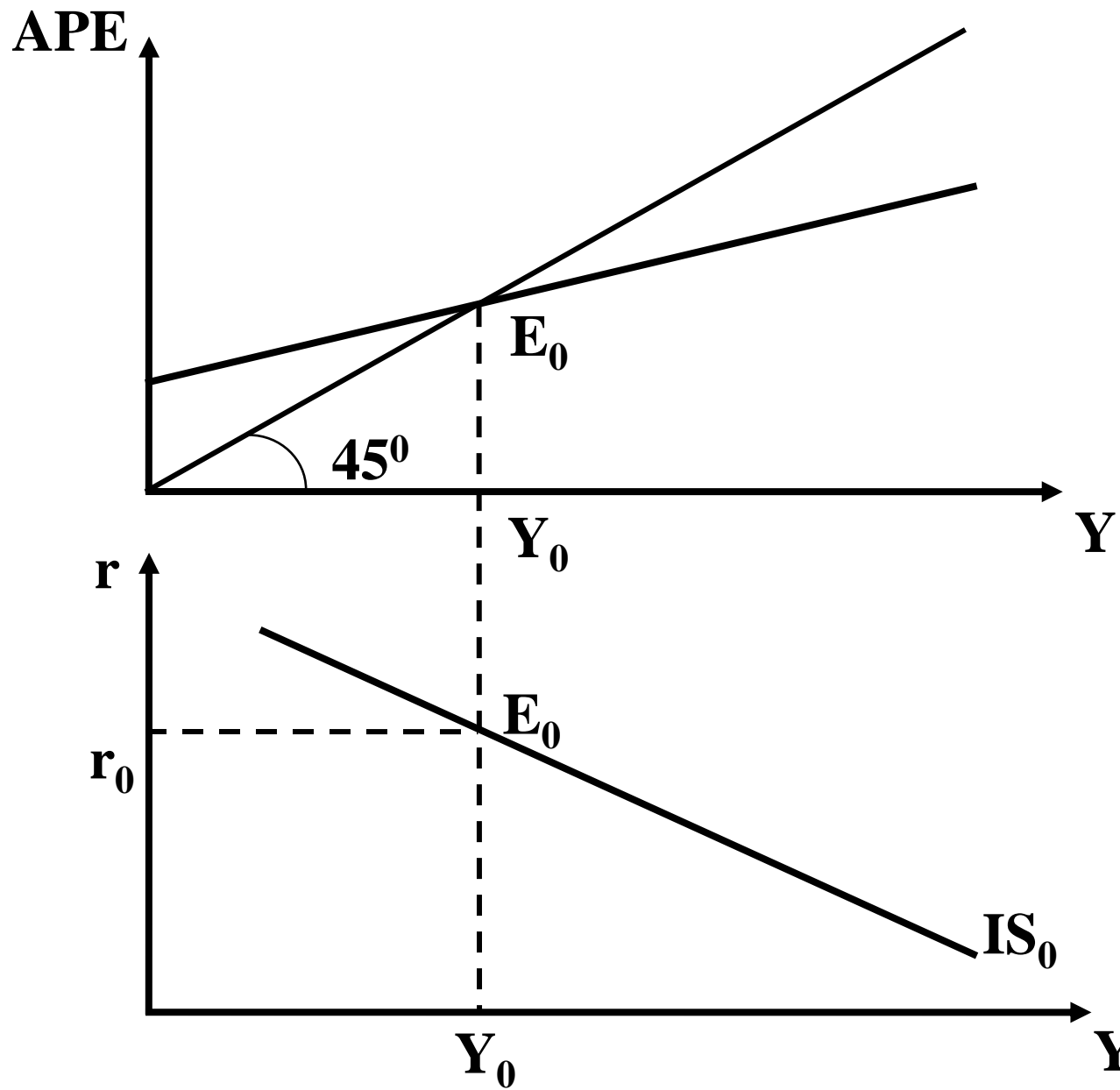
1. Chính sách tài khóa và đường IS

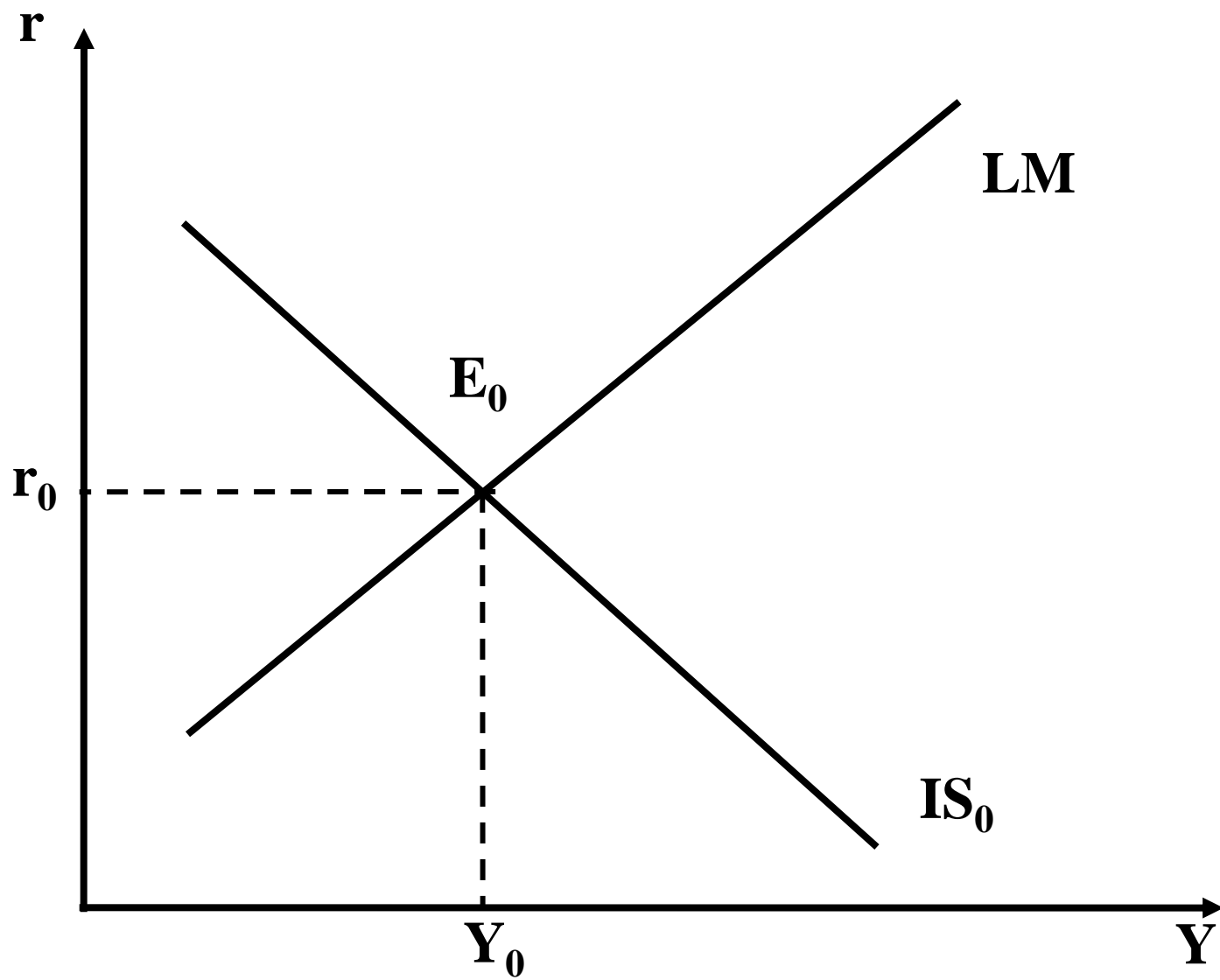
a. Chính sách tài khóa

CSTK là việc CP sử dụng các biện pháp nhằm thay đổi *thuế* hoặc *chi tiêu* để điều tiết nền KT.

1. Chính sách tài khóa và đường IS

Giả sử CP thực hiện CSTK mở rộng thông qua việc *tăng chi tiêu CP*.

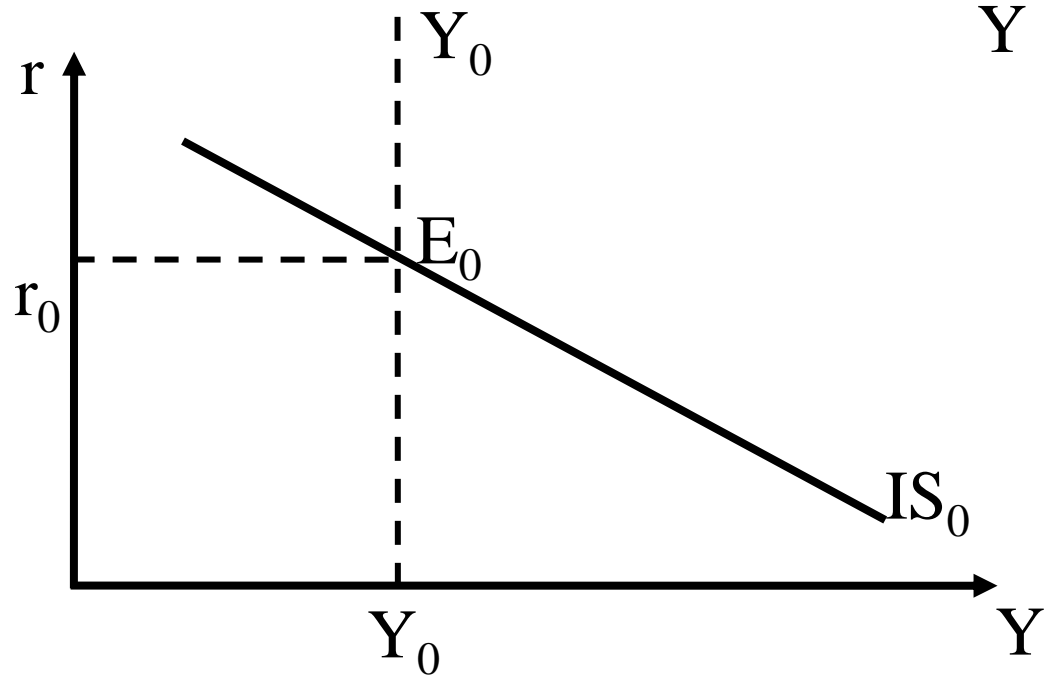
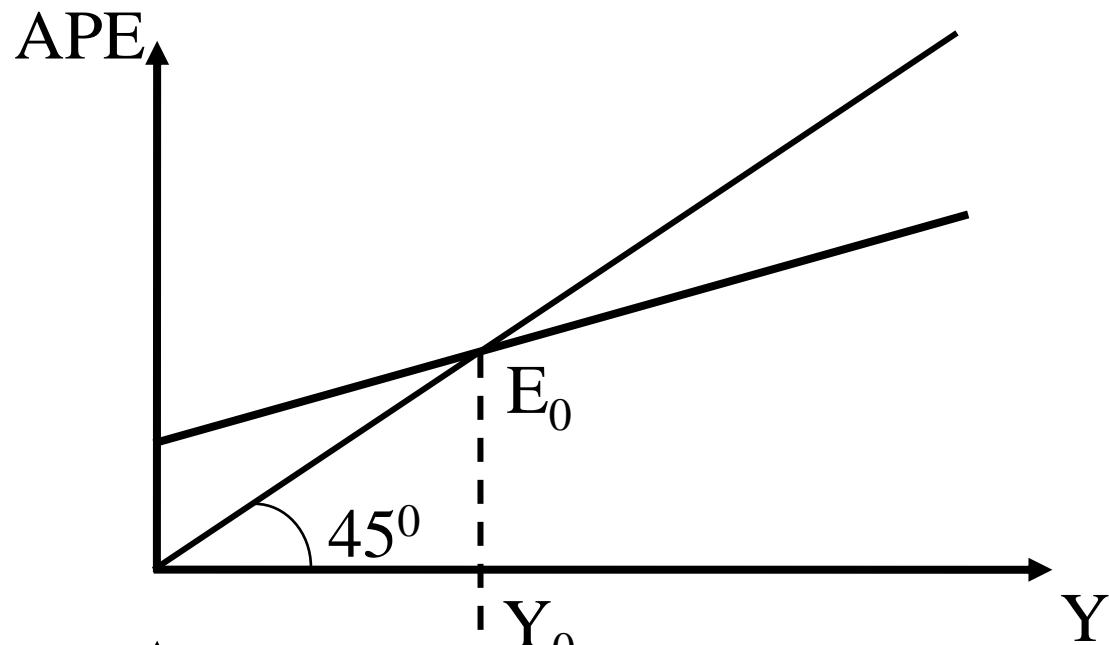


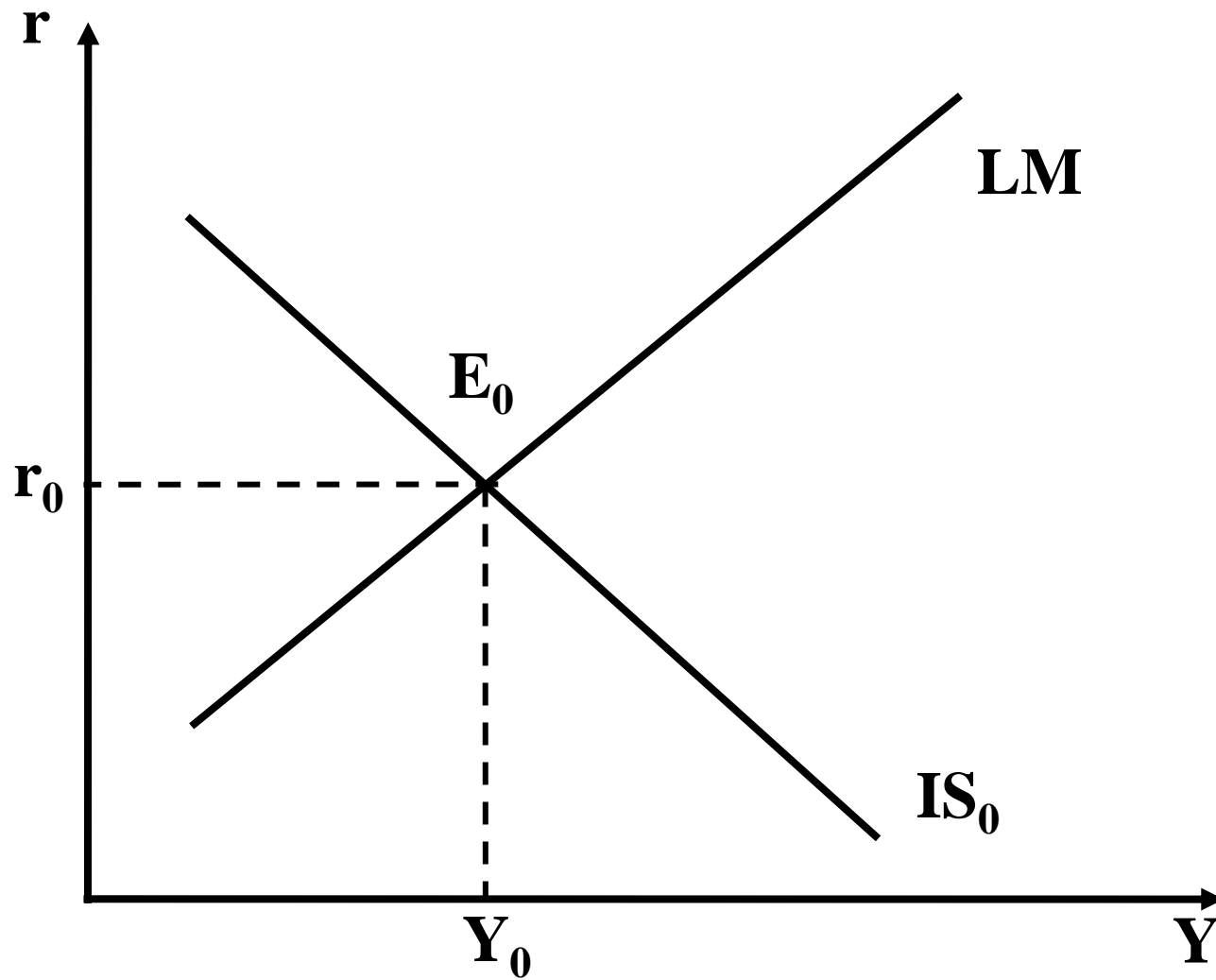


1. Chính sách tài khóa và đường IS

Khi CP thực hiện việc *giảm thuế*

Trường hợp CP *tăng cả chi tiêu và thuế* tự định *một lượng như nhau*



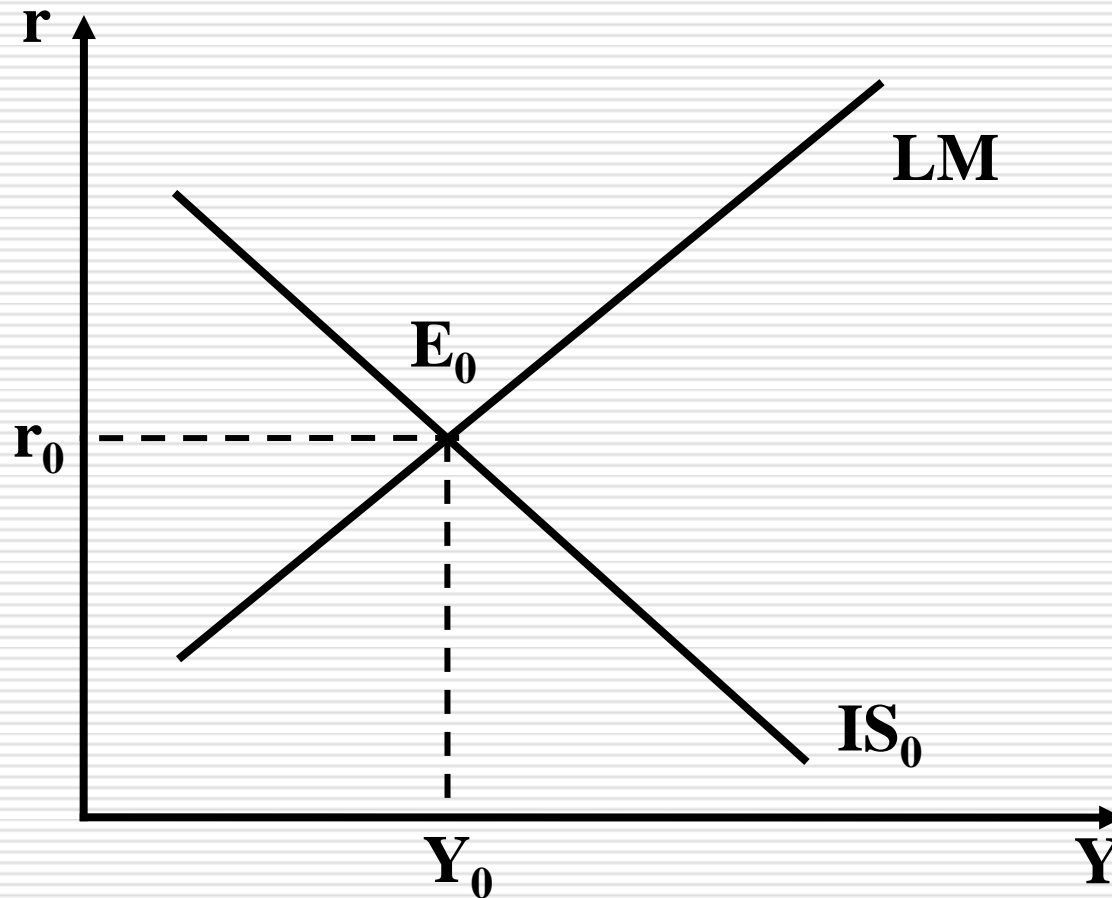


1. Chính sách tài khóa và đường IS

b. Hiện tượng lấn át đầu tư và hiệu quả của CSTK

Việc đầu tư tư nhân bị giảm khi CP tăng chi tiêu gọi là hiện tượng thoái lui hay lấn át đầu tư (Crowding – out domestic investment).

Hiện tượng lẫn át (thoái lui) đầu tư



1. Chính sách tài khóa và đường IS

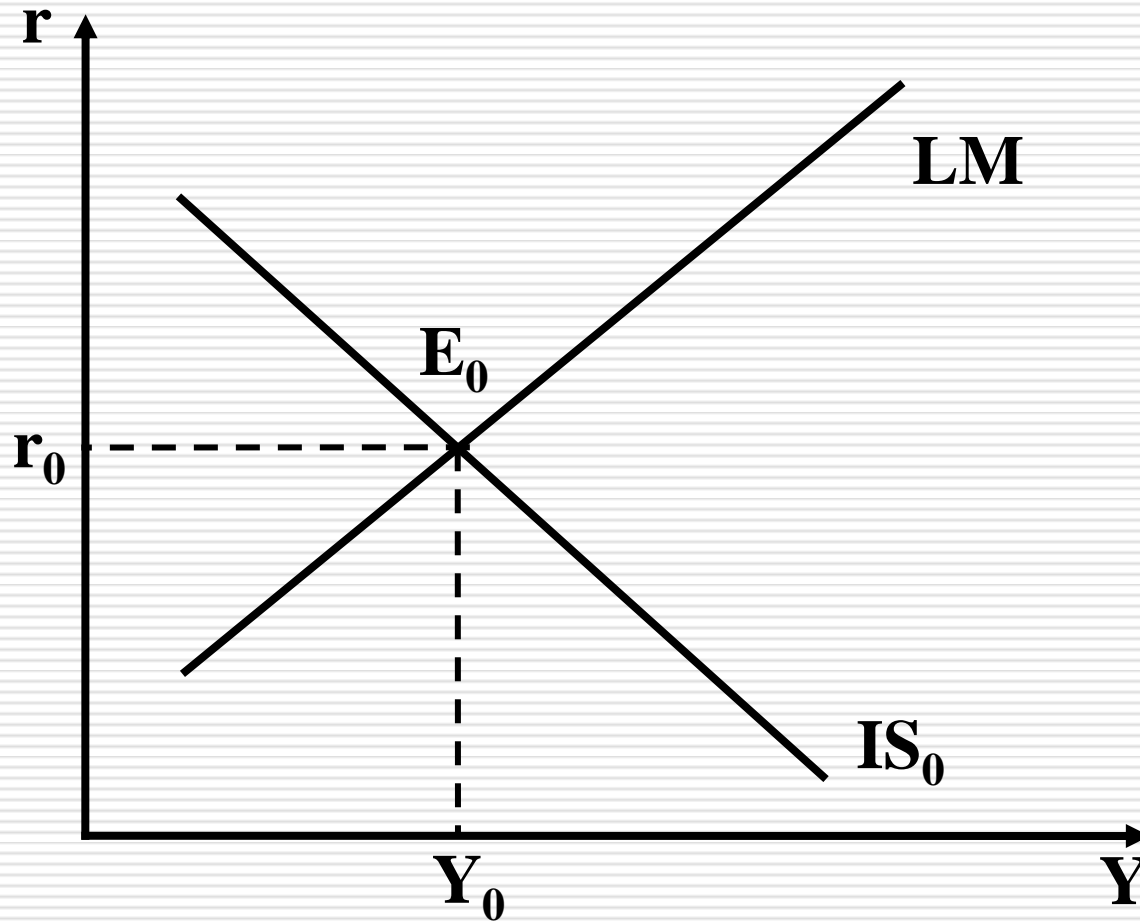
Quy mô thoái lui đầu tư là mức SL giảm do LS tăng:

Vậy những yếu tố ảnh hưởng đến quy mô thoái lui và hiệu quả của CSTK?

1. Chính sách tài khóa và đường IS

➤ *Độ dốc của đường LM*

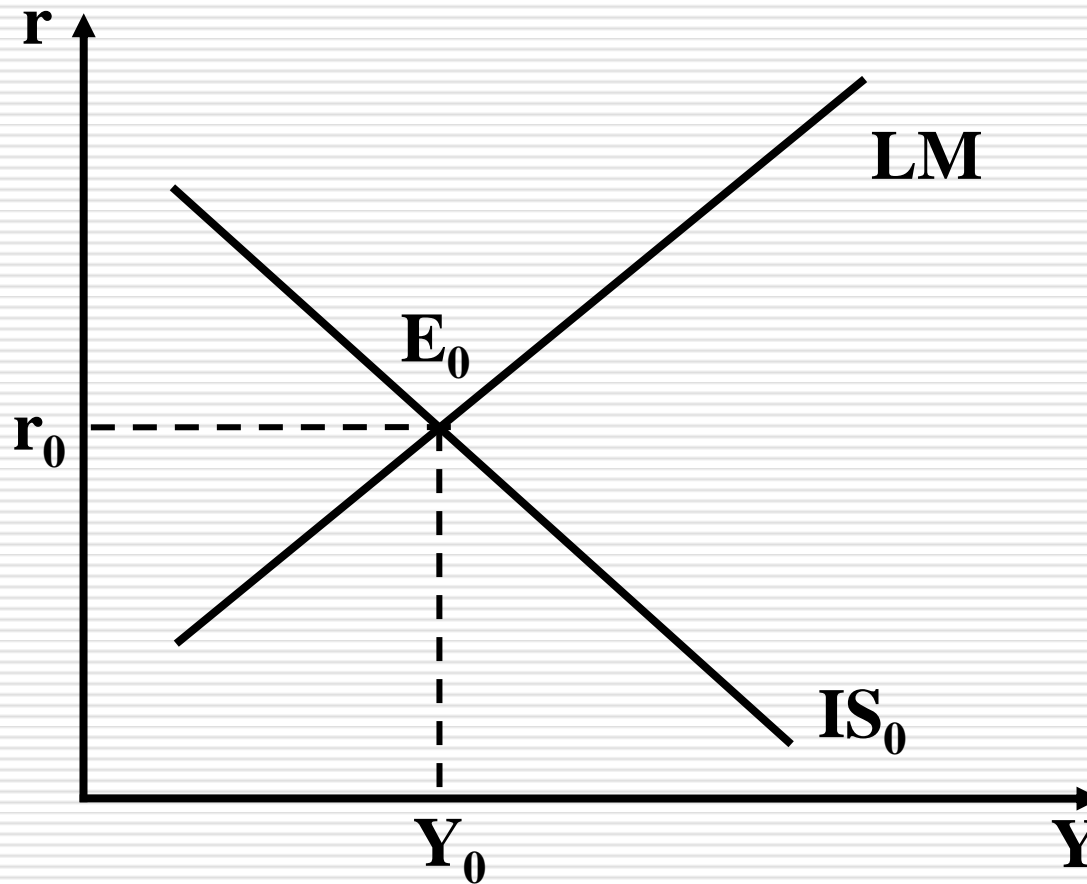
Hiệu quả của CSTK và độ dốc đường LM



1. Chính sách tài khóa và đường IS

➤ *Độ dốc của đường IS hay độ nhạy cảm của đầu tư với lãi suất*

Hiệu quả của CSTK và độ dốc đường IS



1. Chính sách tài khóa và đường IS

➤ *Độ lớn của số nhân chi tiêu*

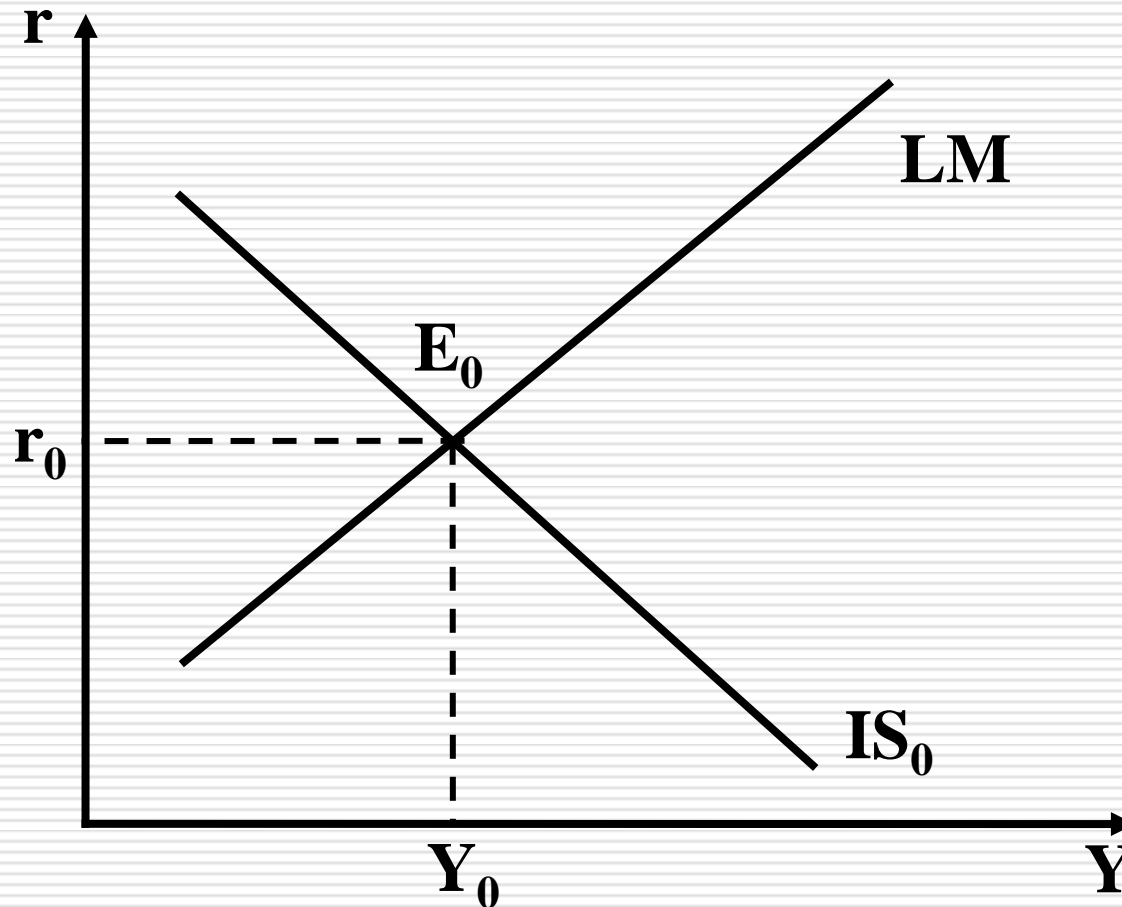
2. Chính sách tiền tệ và đường LM

a. Chính sách tiền tệ

CSTT là việc NHTW sử dụng các công cụ của mình nhằm thay đổi lượng cung tiền qua đó tác động đến tổng cầu và sản lượng.

Giả sử NHTW áp dụng CSTT mở rộng

2. Chính sách tiền tệ và đường LM



2. Chính sách tiền tệ và đường LM

Kết quả cuối cùng là

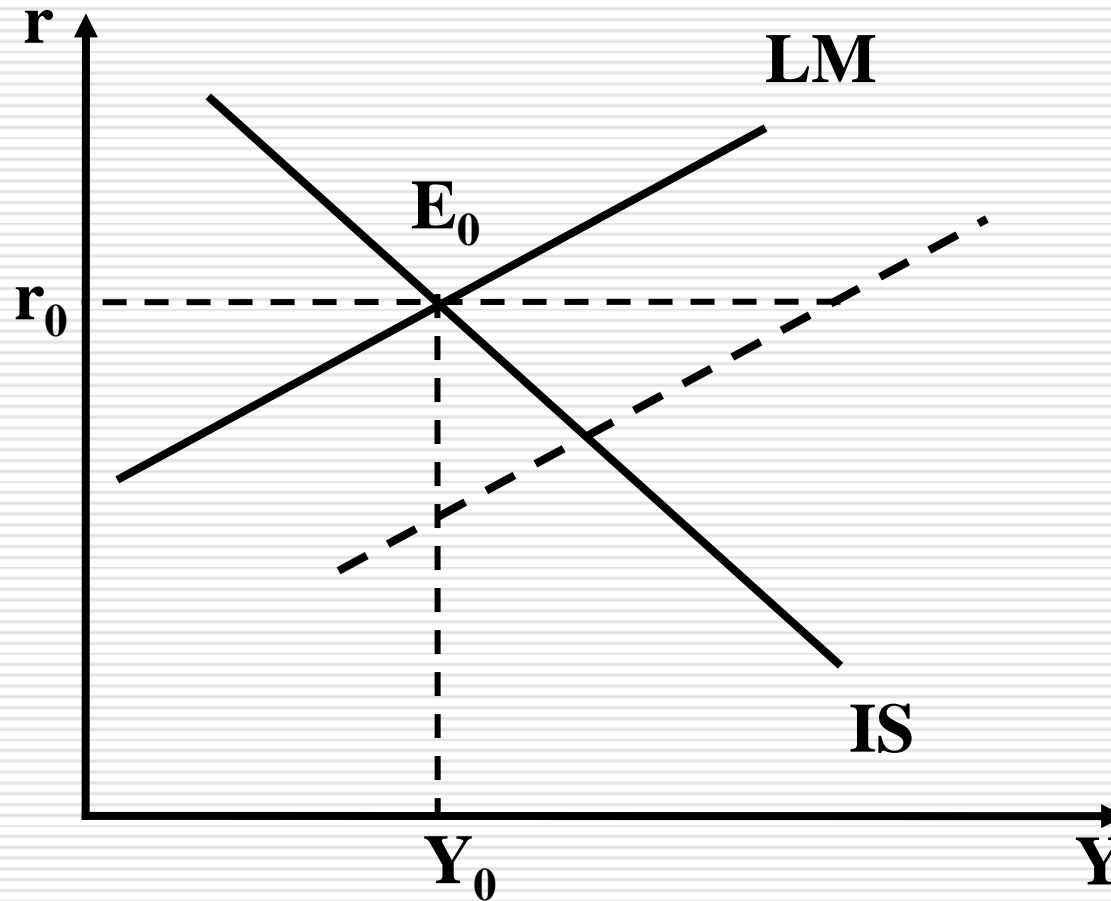
2. Chính sách tiền tệ và đường LM

b. Nhân tố quyết định hiệu quả của CSTT

Có 3 nhân tố cơ bản quyết định hiệu quả của CSTT:

- *Độ nhạy cảm của MD với lãi suất (độ dốc của LM)*
MD càng ít nhạy cảm với lãi suất (MD càng dốc, *LM càng dốc*)

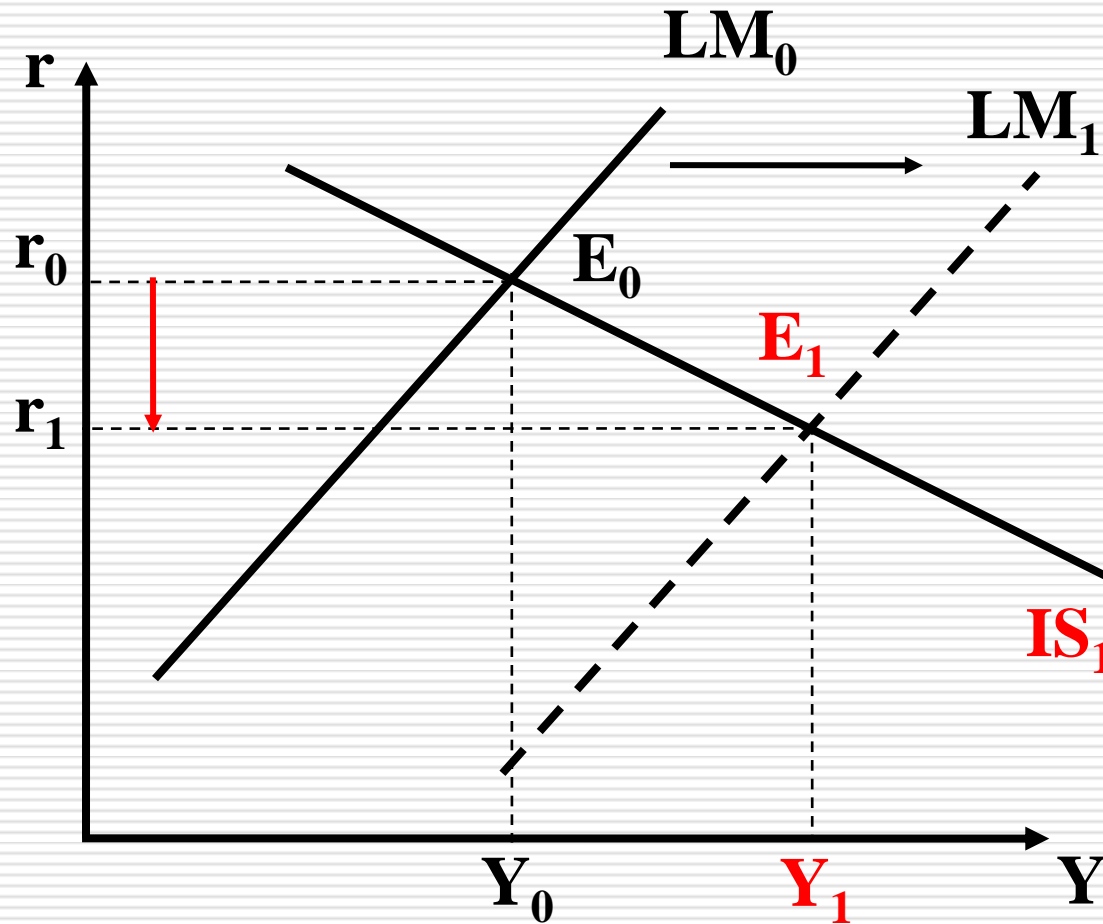
Hiệu quả của CSTT và độ dốc đường LM



2. Chính sách tiền tệ và đường LM

- *Độ nhạy cảm của đầu tư với lãi suất (độ dốc của đường IS)*

Hiệu quả của CSTT và độ dốc đường IS



2. Chính sách tiền tệ và đường LM

➤ *Độ lớn của số nhân chi tiêu*

V. Phối hợp CSTK và CSTT

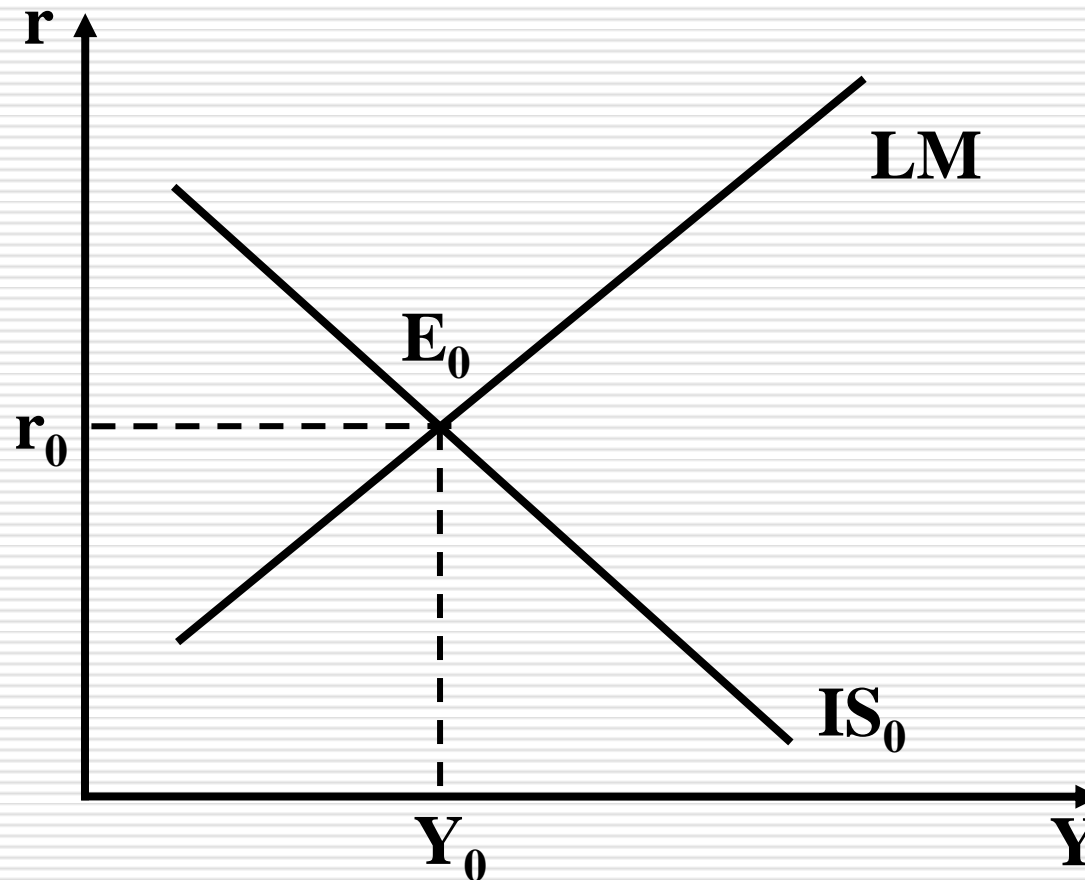
1. CSTK mở rộng - CSTT mở rộng

➤ *Tác động:*

➤ *Kết quả:*

➤ *Điều kiện áp dụng:*

1. CSTK mở rộng - CSTT mở rộng

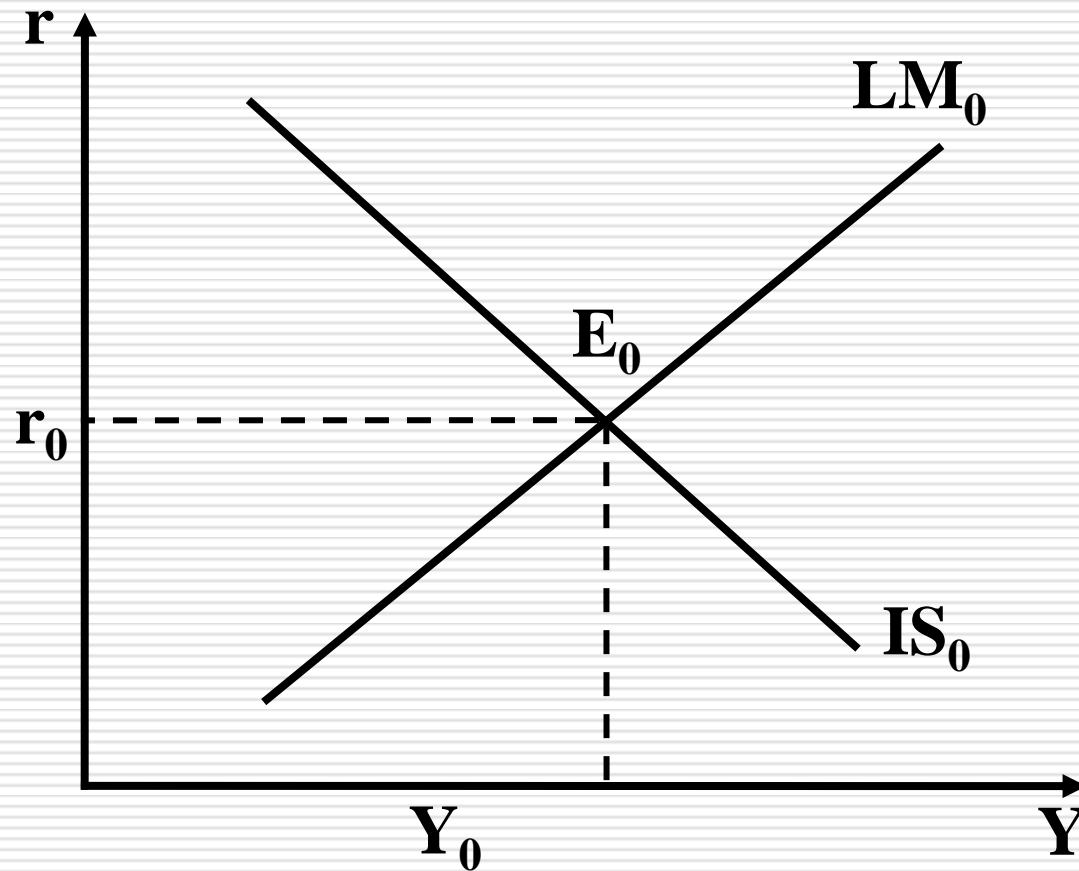


V. Phối hợp CSTK và CSTT

2. CSTK thắt chặt - CSTT thắt chặt

- *Tác động:*
- *Kết quả:*
- *Điều kiện áp dụng:*

2. CSTK thắt chặt - CSTT thắt chặt

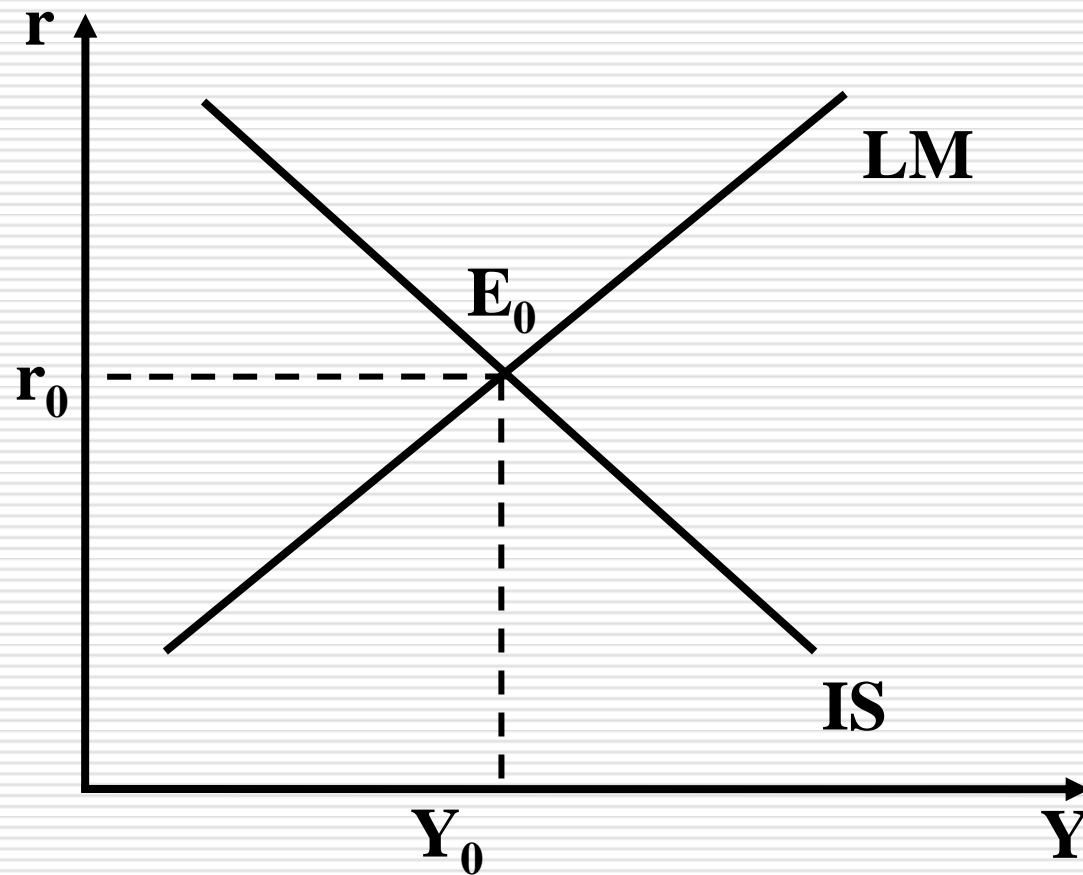


V. Phối hợp CSTK và CSTT

3. CSTK mở rộng - CSTT thắt chặt

- *Tác động:*
- *Kết quả:*
- *Điều kiện áp dụng:*

3. CSTK mở rộng - CSTT thắt chặt



V. Phối hợp CSTK và CSTT

4. CSTK thắt chặt – CSTT mở rộng

- *Tác động:*
- *Kết quả:*
- *Điều kiện áp dụng:*

4. CSTK thắt chặt - CSTT mở rộng

